

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính.
2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lâm Hoàng P, cư trú tại: Số nhà C, đường L, tổ X, khu phố Y, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (ĐKKHKT tại: Ấp M, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Mỹ Q, cư trú tại: Tổ N, khu vực H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lâm Hoàng P trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Mỹ Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 01-6-2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống tại nhà số C, đường L, tổ X, khu phố Y, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau 04 tháng, chị Q đã về sống và chờ sinh con tại nhà cha mẹ ruột ở tổ N, khu vực H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Cũng từ đó vợ chồng anh bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Q muốn ở lại Quy Nhơn sinh sống và làm việc nhưng anh không đồng ý. Vợ chồng anh đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không còn quan tâm nhau từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống xa cách đã quá lâu, anh đã hết tình cảm với chị Q. Hiện tại, anh làm cho Công ty in lụa, thu nhập khoảng 8.000.000 – 10.000.000 đồng/tháng. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng anh có 01 con chung là Lâm P (sinh ngày 09-11-2015), sức khỏe bình thường, đang ở với chị Q. Khi ly hôn, anh thống nhất giao cháu P cho chị Q nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không có nợ ai.

* Tại bản khai đề ngày 07 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ Q trình bày:

Chị thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung như anh P trình bày. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn do chưa hiểu hết ý của nhau. Gia đình đã hòa giải nhưng không được. Vợ chồng chị đã sống mỗi người một nơi từ khi chị về quê chờ sinh con vào cuối năm 2015 cho đến nay, thỉnh thoảng mới liên lạc với nhau, anh P vô lo, vô tâm đối với vợ con. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai; chị đang làm cho Công ty may, thu nhập khoảng 4.000.000 – 6.000.000 đồng/tháng. Chị không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn thương chồng. Nếu Tòa xử ly hôn thì chị xin nuôi cháu Lâm P và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ ai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn, giao con chung cho chị Q nuôi, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, buộc anh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lâm Hoàng P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn,

tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Lâm Hoàng P và chị Huỳnh Thị Mỹ Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 01-6-2015, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa anh P và chị Q là hôn nhân hợp pháp.

[3] Lời khai của các đương sự về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với Biên bản xác minh tại địa phương ngày 08-4-2019 (Bút lục số 17). Từ khi cưới nhau, anh P, chị Q chỉ sống chung một thời gian ngắn rồi chị Q về nhà mẹ ruột ở và sinh con từ cuối năm 2015 đến nay; vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi, ít liên lạc, quan tâm, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng anh P, chị Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho ly hôn.

[4] Về con chung là Lâm P (sinh ngày 09-11-2015). Từ khi sinh ra cho đến nay, cháu P luôn ở với mẹ, tình cảm mẹ con đã gắn bó, nên giao cháu P cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh P thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phù hợp với các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh P phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh P còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lâm Hoàng P và chị Huỳnh Thị Mỹ Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh Lâm Hoàng P và chị Huỳnh Thị Mỹ Q có 01 con chung là Lâm P (sinh ngày 09-11-2015), hiện tại đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu P cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 06-2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Lâm Hoàng P phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001118 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Lâm Hoàng P phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. N, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh